

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÝ MINH HÙNG**
2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

-Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **TRẦN THỊ H**, sinh năm 1978 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn:* Anh **NGUYỄN THANH H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Do mai mối nên chị và anh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường nhậu nhẹt, có những lời lẽ không văn hóa xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị và anh chị đã chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Con chung có 02 cháu tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 29/9/2003; Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 09/12/2006, hiện đang sống với anh H. Nay chị để hai cháu cho anh H nuôi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn anh H; yêu cầu được nuôi cháu C, không yêu cầu anh H cấp dưỡng, riêng cháu H đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung không có và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh H. Giao cháu C cho chị H nuôi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét do không có yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Thanh H vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, cho chị H được ly hôn anh H là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ và tại phiên tòa chị H khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh H để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải đề anh chị đoàn tụ nhưng anh H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh có tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Xét thấy, giao cháu Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 09/12/2006 cho chị H nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, mặc dù, hiện tại cháu C đang sống với anh H. Tuy nhiên, bản thân cháu C xác định muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn và chị H khẳng định có đủ điều kiện để nuôi và chăm sóc tốt con chung. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như tôn trọng ý kiến của cháu C nên giao cháu C cho chị H nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 29/9/2003 hiện đã trưởng thành và lao động được nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H xác định tài sản chung không có và nợ chung không tranh chấp cũng như anh H không cung cấp văn bản ý kiến gì liên quan đến nội dung này nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 09/12/2006 cho chị H nuôi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng cháu Nguyễn Thái H, sinh ngày 29/9/2003 hiện đã trưởng thành và lao động được nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001171 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tænh Tiền Giang;

TÒA

- VKSND huyæän Cai Bi Bø;

- Chi cüic THADS huyæän Cai Bi Bø;

- UBND xã M;

- Các hõng sõi;

- Lõu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

